

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2009

Nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức khi bước vào năm 2009. Suy thoái ngày càng nặng nề của kinh tế thế giới đã thu hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn và tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Đứng trước tình hình đó, Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội đã đề ra chủ trương, nhiều giải pháp nhằm tiếp tục kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn ngừa suy thoái, bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

1. Kết quả ngăn ngừa suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, bền vững.

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng sản phẩm trong nước ước tăng 3,9% so với 6 tháng đầu năm 2008; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,25%; công nghiệp và xây dựng: 3,48%; dịch vụ: 5,5%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tính tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 1,8%; lâm nghiệp: 3,1%; thủy sản: 4,3%.

Diện tích gieo trồng lúa đông xuân đạt 3.059,7 nghìn ha. Sản lượng lúa ước đạt 18.6 triệu tấn, tăng 31,2 vạn tấn so với cùng kỳ năm 2008 với năng suất ước tính đạt 60,9 tạ/ha. Chăn nuôi gia súc, gia cầm từng bước được khôi phục. Theo kết quả điều tra tại thời điểm ngày 01-4-2009, đàn lợn cả nước có 26.5 triệu con, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2008; 256 triệu con gia cầm, tăng 11,4%.

Tổng diện tích trồng rừng tập trung 6 tháng đầu năm 2009 ước đạt 73,3 nghìn ha, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước; số cây trồng phân tán đạt 107,5 triệu, giảm 2,1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.162,1 nghìn m³, tăng 7,5%. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng 6 tháng đầu năm 2009 ước đạt 2.287,6 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2008; trong đó, nuôi trồng đạt 1.125,5 nghìn tấn, tăng 2,4%; khai thác: 1.162,1 nghìn tấn, tăng 7,7%.

Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2009 ước tính tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, công nghiệp chế biến tăng 4,4%; sản xuất và phân phối điện, ga, nước: 8,1%; công nghiệp khai thác: 8,6%. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu vẫn giữ mức tăng cao so với 6 tháng đầu năm 2008 như dầu thô khai thác tăng 17,9%; xi măng: 24,1%; giày dép giả da: 15,6%; thép tròn: 12,6%; điện sản xuất: 7,9%... Tuy nhiên, nhiều sản phẩm quan trọng khác có tốc độ tăng thấp hoặc giảm sút so với cùng kỳ năm trước như khí hóa lỏng tăng 4,5%; khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng 3,7%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 3,7%; phân hóa học tăng 1%; thủy hải sản chế biến giảm 8,5%; vải dệt từ sợi bông giảm 23,2%; sơn hóa học giảm 5,4%.

Các lĩnh vực dịch vụ tiếp tục phát triển. Vận chuyển hành khách tăng 7% về khối lượng vận chuyển và 4% về khối lượng luân chuyển so với cùng kỳ năm 2008. Vận tải hàng hóa ước tăng 0,3% về khối lượng vận chuyển và tăng 1,1% về khối lượng luân chuyển. Bưu chính, viễn thông, nhất là viễn thông tiếp tục phát triển mạnh. Số

thuê bao điện thoại phát triển mới tăng nhanh, nâng tổng số thuê bao điện thoại của cả nước đến hết tháng 6-2009 lên 96,7 triệu; trong đó, thuê bao cố định: 15,7 triệu, tăng 24,4%; 81 triệu thuê bao di động, tăng 64,6%. Số người sử dụng internet tính đến hết tháng 6-2009 là 22,5 triệu, tăng 11,6%. Lương khách quốc tế đến nước ta trong 6 tháng đầu năm giảm 19,1%; trong đó, khách đến du lịch, nghỉ dưỡng giảm 22,1%; đến vì công việc giảm 21,9%; thăm thân nhân tăng 1,7%. Lượng khách đến nước ta từ hầu hết các quốc gia đều giảm so với cùng kỳ năm 2008; trong đó, đến từ Trung Quốc giảm 39%; Hoa Kỳ: 4,2%; Hàn Quốc: 19,9%; Nhật Bản: 9,7%...

2. Kết quả ổn định kinh tế vĩ mô, phòng ngừa tái lạm phát cao.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá thực tế đạt 322,6 nghìn tỉ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2008, bao gồm: vốn khu vực nhà nước chiếm 43,9% tổng vốn và tăng 33,4%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 34,1%, tăng 37,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 22%, giảm 18,4%. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt thấp, đến ngày 19-6-2009 mới đạt 8,9 tỉ USD, giảm 77,4%. Thu hút vốn ODA đạt 1,783 tỉ USD, tăng 15,9%; bao gồm, vốn vay đạt 1,7 tỉ USD, tăng 22,8%; vốn viện trợ không hoàn lại: 83 triệu USD, giảm 46,3%.

Tổng thu ngân sách nhà nước đến ngày 15-6-2009 bằng 43,9% dự toán năm; trong đó, các khoản thu nội địa bằng 45,1% dự toán năm; thu từ đầu thô: 36,1% dự toán năm; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu: 46,6%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2009 ước đạt 27.6 tỉ USD, giảm 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm chủ yếu do giá trên thị trường thế giới giảm sút và đứng ở mức thấp. Chỉ tính 8 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (dầu thô, than đá, gạo, cà phê, hạt điều, cao su, chè, hạt tiêu) theo giá

bình quân 6 tháng đầu năm 2008 thì kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã tăng thêm 5 tỉ USD và như vậy tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm của cả nước tăng 6,3%. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm 23%; nhóm hàng nông sản tăng 4,5%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp giảm 25%. Kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường lớn của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thị trường Nhật Bản giảm tới 40%; EU: 16%; Hàn Quốc: 11%; Trung Quốc: 9%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 29,7 tỉ USD, giảm 34,1% so với cùng kỳ năm 2008; trong đó, máy móc, thiết bị giảm 22,7%; hàng tiêu dùng tăng 2,6%. Kim ngạch nhập khẩu giảm do một số mặt hàng nhập khẩu giảm về lượng nhưng chủ yếu là do giá trên thị trường thế giới giảm (giá xăng dầu giảm 52%; giá phân bón giảm 33%; sắt thép giảm 31%; chất dẻo giảm 32%; sợi dệt giảm 23%)

Tổng giá trị xuất khẩu dịch vụ trong 6 tháng đầu năm ước đạt 2.737 tỉ USD, giảm 25,7%; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ đạt 3.256 tỉ USD, giảm 26,2%.

Giá tiêu dùng tháng 6-2009 so với tháng 12-2008 tăng 2,68% do giá của hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đều tăng; trong đó, hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,5%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,65%; đồ uống và thuốc lá tăng 4,51%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3%; các nhóm khác tăng từ 0,4 đến 1,8%; riêng nhóm phương tiện đi lại, bưu điện giảm 0,57%.

3. Kết quả bảo đảm an sinh xã hội, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội khác.

Việc thực hiện các chương trình, chính sách xóa đói, giảm nghèo đã góp phần quan trọng đảm bảo an sinh xã hội. Trong 61 huyện nghèo, mỗi huyện được tạm ứng 25 tỉ đồng để triển khai các dự án; đồng thời, đã có 37 tập đoàn kinh tế, tổng công ty và doanh nghiệp nhận trợ giúp cho 57

huyện nghèo. Nhờ những nỗ lực của cả cộng đồng nên diện thiếu đói giáp hạt tuy vẫn còn song đã được thu hẹp đáng kể.

Kì thi tốt nghiệp THPT năm nay được tổ chức một đợt trên cả nước với 1.047,6 nghìn thí sinh dự thi, bao gồm 914,5 nghìn thí sinh hệ THPT và 133,1 nghìn thí sinh hệ trung học bổ túc. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT là 83,7%; trung học bổ túc là 38,1%. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. Cả nước có 22,9 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, tăng 49,8% so với cùng kì năm trước; 2,3 nghìn trường hợp viêm gan vi rút, giảm 15,4%... Đặc biệt, dịch cúm A (H1N1) đã xuất hiện tại nước ta. Tính đến ngày 29-6-2009, cả nước có 123 trường hợp dương tính. Số trường hợp nhiễm HIV/AIDS vẫn tiếp tục tăng. Cả nước đã phát hiện 189,4 nghìn trường hợp nhiễm HIV; trong đó, 74,7 nghìn trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS và 42,8 nghìn trường hợp đã tử vong.

Nhìn chung, kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm 2009 tuy phải đối phó với nhiều khó khăn, thách thức nhưng đang phát triển nhanh dần và có dấu hiệu phục hồi. Các gói kích cầu đầu tư và tiêu dùng bước đầu đã phát huy tác dụng. Sản xuất công nghiệp đã qua được giai đoạn trì trệ. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu trong quý II đã tăng so với quý I, chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức hợp lý, đời sống dân cư được quan tâm cải thiện. Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, tăng trưởng kinh tế trong nước vẫn còn ở mức thấp, các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc. Nhiệm vụ còn lại của 6 tháng cuối năm rất nặng nề. Muốn đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm do Quốc hội đề ra, kinh tế 6 tháng cuối năm phải tăng trưởng 5,9%. Để đạt được mục tiêu đó, các cấp, các ngành và toàn hệ thống chính trị phải tiếp tục nỗ lực, chú trọng tới một số vấn đề sau:

- Khẩn trương cơ cấu lại nền kinh tế nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí sản xuất,

nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; khắc phục những hạn chế, yếu kém, góp phần thực hiện mục tiêu ngăn chặn đà suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý trong ngắn hạn, chuẩn bị tiền đề cho tăng trưởng với tốc độ cao và bền vững khi kinh tế thế giới phục hồi.

- Cùng với việc thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ linh hoạt, cần tăng cường công tác quản lý giá, nhất là những mặt hàng chiến lược để tạo sự ổn định cho sản xuất - kinh doanh.

- Triển khai nhanh, đúng mục đích, đúng đối tượng các gói kích cầu của Chính phủ. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu, các làng nghề. Tăng cường huy động các nguồn vốn khác để phát triển sản xuất, đặc biệt là huy động vốn dân doanh, vốn nước ngoài đầu tư vào nông thôn, nông nghiệp và nông dân.

- Tập trung khai thác và phát triển thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường nông thôn. Tăng cường các biện pháp tiêu thụ hàng hóa nông sản, thủy hải sản cho nông dân, đồng thời, nhanh chóng hình thành hệ thống thương mại cung cấp hàng hóa, dịch vụ kịp thời, thông suốt cho sản xuất và đời sống của khu vực nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách và giải pháp bảo đảm an sinh xã hội bền vững. Tăng cường thực hiện xã hội hóa trong việc triển khai các chương trình, dự án giảm nghèo lâu dài, bền vững cho các vùng khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Có biện pháp kiên quyết, đủ mạnh và hiệu quả trong việc khắc phục, phòng, chống ô nhiễm môi trường; phòng, chống dịch bệnh cho người và vật nuôi.

- Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để đưa các chương trình, chính sách, giải pháp đã đề ra nhanh chóng đi vào cuộc sống □

NGUYỄN ĐỨC KHA
(Nguồn Tổng cục Thống kê)